

# ĐẠI BÁT-NIỆT-BÀN KINH SỚ

## QUYỂN 23

### PHẨM 22: ĐỨC VƯƠNG (PHẦN 6)

Đầu quyển nói về công đức thứ chín. Khai Thiện cho rằng từ công đức thứ nhất đến công đức thứ sáu, bắt đầu từ chẳng nghe mà nghe đến tâm Kim cương. Công đức thứ bảy, công đức thứ tám bắt đầu từ bạn thiện đến Tuệ Giải thoát. Công đức thứ chín, thứ mười bắt đầu từ tín tâm cho đến ba mươi phẩm Trợ đạo. Quyển này là vòng thứ ba. Có Sư cho rằng chẳng đúng như thế, mười công đức này tạo thành từng cặp, lúc cạn lúc sâu, trang nghiêm năm hạnh trước.

Ở đây, chẳng cho như thế, năm hạnh là nói về tu; mười công đức là nói về chứng. Công đức của chứng thì có sâu cạn khác nhau. Nếu thế thì vì sao trước sâu sau cạn?

Đáp: Cũng có ý này, như ở công đức thứ nhất nói là chẳng chung cho Thanh văn và Bích-chi-phật, sau cùng là nói ba mươi bảy phẩm trợ đạo. Nghe nói danh từ đạo phẩm thì nói rằng đó là cạn cạn, nếu nói về nghĩa lý thì vượt hơn Nhị thừa, v.v...

Toàn quyển được chia thành ba là: Nêu lên, giải thích và kết luận. Thứ nhất như văn kinh có ghi.

Kế là giải thích, gồm có hai phần: Trước nói về năm việc, sau nói về nghĩa. Thứ nhất có ba: Một là nêu năm việc; hai, là giải thích; ba, là hỏi. Nêu năm việc lại có hai: Một, là đề ra. Kế là kể tên năm việc.

Tín do bên trong phát khởi, thấy được Thánh tánh. Trực tức là trực khởi tâm, chẳng phải từ duyên do. Giới là tánh giới, bạn thiện đầy đủ Bồ-đề, học rộng tức là nghe ở nơi chẳng nói. Năm việc này đều y cứ theo lý mà giải thích, đâu thể cho là cạn cạn, trong văn có thể thấy.

Từ câu “Thế nào gọi là tín v.v...” trở xuống là phần thứ hai giải thích, gồm có năm chương. Đầu tiên nói về tín, có ba câu:

1. Tín thể.
2. Tín đức.

### 3. Kết luận.

**1. Tín thể:** Tin những pháp gì? Gồm nêu lên năm pháp: 1. Tin Tam bảo; 2. Tin nhân quả; 3. Tin hai Đế; 4. Tin Nhất thừa; 5. Tin ba Đế.

Có Sư cho rằng tin Đệ nhất nghĩa Đế là tin chân; tin phương tiện khéo léo là tin tục. Có sư cho rằng trước đã nói hai Đế rồi đâu cho lặp lại nữa. Y cứ theo kinh Hoa-nghiêm nói: “Nếu khen ngợi Bồ-tát thì nêu tên hai trí; nếu khen ngợi Phật thì nêu tên hai thân”. Chỉ có một thể, tùy ẩn và hiển mà tên có khác nhau. Có sư cho rằng Đệ nhất nghĩa Đế và phương tiện khéo léo là hai thân cũng là hai trí.

Nay nói văn này tự nói là Đệ nhất nghĩa Đế, đâu cho sửa đế là trí là thân. Nay lập ba Đế thì tự đã khác với hai đế, không thành nói lại, mà văn kinh lại y cứ theo Nhất thừa để hiển bày ý nghĩa của tín nhưng vì chúng sinh nên phân biệt nói ba. Vì biết không khác đường nên nói là một. Y cứ theo một việc này thì thông suốt bốn pháp kia. Tam bảo cũng như thế, vì chúng sinh nên phân biệt thành hai thể, biết trở về chỗ chí cực nên nói một thể. Nhân quả cũng thế vì chúng sinh nên nói từ nhân cho đến quả, đến chỗ người kia rồi thì chẳng có người thí, chẳng có người thọ. hai Đế, ba Đế cũng như thế.

### 2. Tín đức:

Từ câu “Người tin như thế v.v...” trở xuống là giải thích Tín đức.

Giải thích có bốn ý thứ lớp nối tiếp nhau mà sinh, tín này bền chắc chẳng ai hoại được, vì sao? Vì được tánh của bậc Thánh làm cội gốc, tức là tâm tin thấy tánh sâu chắc khó nhỏ lên được. Vì gốc sâu nên sẽ lớn thêm, gần gũi Đại Niết-bàn, thành tựu giới, v.v...

Đầu tiên tất cả các pháp đều từ Thánh tánh, gần gũi Đại Niết-bàn là dọc cao, giới, học rộng, trí tuệ v.v... tức là ngang rộng. Tuy có dọc cao ngang rộng khác nhau mà chẳng thấy tướng ngang dọc, rộng sâu. Nói về tín như thế, đâu thể vội cho là cạn cợt.

### 3. Kết luận.

Kế là giải thích việc thứ hai, gồm có ba là nêu lên, giải thích và kết luận. Thứ nhất là nêu lên. Văn giải thích có hai:

1. Chẳng tà vạy là trực tâm.
2. Lấy sám hối làm trực tâm.

Thứ nhất nói chẳng tà vạy, có hai đoạn là giải thích và nói về nghĩa. Phần giải thích có chánh giải thích và giải nghi, thứ nhất là chánh giải thích.

Vì hiểu nhân duyên cho nên chẳng tà vạy.

Từ câu “Tuy thấy các...” trở xuống là giải thích nghi.

Qua lại giải thích cho nhau. Đầu tiên thấy điều ác mà chẳng nói; sau thấy điều thiện thì khen ngợi nên nghi rằng thấy điều ác lẽ ra nên nói mà lại chẳng nói, đó là chẳng trực tâm. Thế nào là Trực tâm? Giải thích: Sợ sinh phiền não. Lại nghi: Lại thấy điều ác chẳng nói, thấy điều thiện lẽ ra chẳng nên nói mới đúng là Trực tâm. Kế đến nói: “Chẳng phải như thế” tức là giải thích: Khen ngợi Phật tánh để được Bồ-đề.

Kế là trong phần nói về nghĩa có hỏi và đáp. Hỏi có sáu câu, gồm ba cặp. Hai cặp đầu tiên từ phẩm Hiện Bệnh mà sinh. Có người nói ba loại, năm loại người bệnh. Kế là hai câu là từ công đức thứ nhất sinh. Hai câu cuối là từ văn này sinh.

Y cứ hai câu đầu, câu thứ nhất gồm có ba: thứ nhất bác bỏ ngược lại ý chỉ của Phật.

Kế là nói lại ý chỉ khi mới nói kinh Niết-bàn.

Từ câu “nếu gặp hay chẳng gặp v.v...” trở xuống là thứ ba, chính thức thưa hỏi.

Đã tự phát được tâm Bồ-đề thì đâu cần Phật tánh mới được Bồ-đề. Đây là y cứ theo người bệnh thứ ba để thưa hỏi.

Câu thứ hai của cặp thứ nhất, có hai ý: trước lãnh chỉ và bác bỏ ngược lại; sau là chính thức hỏi.

Đây là nói hàng Nhất-xiển-đề cũng phát tâm được. Vì sao? Vì họ đã có Phật tánh lẽ ra tự có thể phát tâm đâu cần đợi khen ngợi. Đây là y cứ theo người bệnh thứ hai để hỏi.

Từ câu “Như lời Phật nói v.v...” trở xuống là câu thứ hai từ công đức thứ nhất khởi phát. Trong quyển mười hai nêu năm câu hỏi, trong đó có hai câu đầu y cứ theo người phạm bốn giới trọng, hai câu kế y cứ theo Nhất-xiển-đề, một câu cuối là y cứ theo bất định. Phật đáp rằng “Phật tánh chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, chẳng thường chẳng vô thường, vì thế chẳng đoạn”: Bây giờ lại nhân đó mà khởi nghi, vặn hỏi. Đầu tiên là lãnh chỉ và bác bỏ ngược lại.

Kế đến là chính thức vặn hỏi.

Đã nói chẳng đoạn Phật tánh, vì sao lại nói là cắt đứt gốc thiện? Chỉ vì Phật tánh này là gốc thiện, đã cắt đứt gốc thiện tức là cắt đứt Phật tánh. Vì sao lại nói Phật tánh chẳng ở trong, chẳng ở ngoài?

Từ câu “Như khi trước v.v...” trở xuống là câu vặn hỏi.

Nếu Phật tánh chẳng bị cắt đứt, vì sao chẳng ngăn chặn để khỏi đọa địa ngục? Đã chẳng dứt bỏ phiền não, chỉ cắt đứt gốc thiện, vì có Phật tánh lẽ ra phải có công năng ngăn chặn các điều ác? Lời đáp chưa được rõ nên phải nói về nghĩa.

Từ câu “Nếu do Phật tánh, v.v...” trở xuống là thứ ba, lại có hai câu hỏi, gần từ đây mà sinh.

Nếu khen ngợi Phật tánh mà khiến phát tâm thì đâu cần nói mười hai thể loại kinh? Nhưng khen ngợi Phật tánh đã tự có đầy đủ ý nghĩa. Văn đã có pháp, dụ và hợp.

Từ câu “chư Phật Như Lai v.v...” trở xuống là câu hỏi sau.

Từ công đức thứ tám, Đức Phật đáp là tâm tham chẳng phải có chẳng phải không, chẳng phải nhân chẳng phải quả; hoặc nói trong nhân có quả, hoặc nói trong nhân không có quả. Nay y cứ theo đây để hỏi, nếu như thế thì trong sữa không có lạc, cây không cao năm trượng. Nếu trong sữa có lạc, có cây cao năm trượng thì nên biết trong nhân có quả, chẳng nên vọng nói là không.

Từ câu “bấy giờ, Đức Thế Tôn, v.v...” trở xuống” Là Đức Phật đáp, có hai ý: một, là khen ngợi; hai, là đáp.

Khen ngợi có hai: một, là khen ngợi câu hỏi; hai, là nêu năm câu khen ngợi công dụng.

Đầu tiên là nêu sáu loại hai người, khen ngợi họ khai phát đại chúng khiến được Giải thoát, chẳng những dứt nghi cho người ở hiện tại mà còn khiến cho chúng sinh ở đời vị lai không còn dính mắc. Thật là ít có cho nên khen ngợi. Hai người đầu tiên, người thứ nhất vốn chẳng gây ra điều ác, người thứ hai đã gây ra điều ác lại sám hối tức là đưa bé khỏe mạnh đã dụ ở trước. Người thứ hai biết ân báo ân, người ban ân cho ta, ta cần phải báo đáp. Người thứ ba, một là nghe nhận pháp mới; hai là ôn luyện pháp cũ. Sách nói “ôn cũ biết mới mới đáng làm thầy”. Người thứ tư, là sáng tạo việc mới tốt đẹp, hai là tu bổ việc cũ. Người thứ năm, thích nói, thích nghe pháp. Nếu không có người nói thì nghe điều gì; nếu không có người nghe thì nói cho ai? Người thứ sáu, thứ nhất là khéo hỏi; thứ hai là khéo đáp. Ý chánh là ở hai vị này, còn năm hạng người kia là chỉ để dẫn dắt mà thôi. Khéo hỏi là ông, khéo đáp là ta. Không có ta khéo đáp thì đâu có được ông khéo hỏi. Có người thuận nghịch đều thông, biện luận trôi chảy, năng làm chủ làm khách. Có người chỉ được một mà không được hai. Như môn hạ của Trang Nghiêm là Pháp sư Tịnh Tạng chỉ khéo hỏi mà không thể đáp. Có người chỉ khéo giải thích mà nói nghĩa thì chẳng thông, như Chánh Công ở Bành thành, v.v...

Nay suy ra sáu cặp ở trước thành năm câu nói ở sau, trong đó hai cặp luôn nghe luôn nói, khéo hỏi khéo đáp thành câu xoay bánh xe pháp. Tạo mới sửa cũ thành cây khô mười hai nhân duyên, chấp có là

mới, vô minh là cũ; chẳng sinh là mới, khi Thế đế chết là cũ, phá mới gọi là tạo pháp mới; dùng cũ phá cũ gọi là sửa cũ. Làm ân nhớ ân thành câu vượt biển, ban ân tức vì người mà làm chiếc thuyền; nhớ ân tức tự lái chiếc thuyền này, vì thế thành câu vượt biển. Cặp chẳng tạo ác, tạo rồi thì sám hối thành câu phá dẹp cờ ma. Ma lấy ác làm cờ, nay ta phá đổ lại tự xây dựng chánh pháp. Các câu trước sau thành tựu cho nhau.

Khen ngợi sinh điều thiện là một câu đầu; khen ngợi diệt ác là bốn câu sau.

Đã nói: “Nhờ câu hỏi khéo léo này mà xoay được bánh xe pháp vô thượng”. Đó há chẳng phải là nghĩa sinh ra điều thiện hay sao?

Bốn câu sau được chia làm hai:

1. Hai câu đầu khen ngợi dứt ác.
2. Hai câu sau khen ngợi phá ác.

Hai câu này, câu trên khen là làm khô cây mười hai nhân duyên. Nghĩa là mười hai nhân duyên cành lá sum suê cao vót dụ như cây lớn, nay làm khô chết cây này thì hoa lá chẳng mọc nữa.

Câu “Vượt qua biển sinh tử vô biên”, nghĩa là biển sinh tử nổi sóng gió đáng sợ mà nay vượt qua được, mãi mãi tránh được hiểm nguy không còn kinh sợ.

Chiến đấu với ma, đây là nói lúc khởi đầu; đạp ngã cờ cao của ma là nói lúc cuối cùng. Nêu cuối cùng để gan nhiếp khởi đầu. Ở Ấn-độ khi thắng trận là dựng cờ, khi thua trận thì phá đổ cờ này. Nay bại trận nên ma tự đạp ngã cờ của chúng.

Kế là trong lời đáp, theo thứ lớp đáp có ba cặp sáu câu hỏi. Đầu tiên đáp hai câu hỏi về ba bệnh ở trước. Kế là đáp câu hỏi về công đức thứ nhất, sau cùng là đáp câu hỏi về văn này.

Chỉ trả lời hai câu trước nhưng chẳng theo thứ lớp. Giải thích ba thứ người bệnh xong tức là trả lời hai câu hỏi thứ nhất. Nếu theo lý thì chỉ nên giải thích hai loại người bệnh thứ nhất và thứ ba, mà nay lại giải thích người bệnh thứ hai chẳng cần lấy đây làm câu trả lời, chỉ vì ở giữa đã nêu lên mà nay theo thứ lớp giải thích nên phải nói, nếu kia chẳng nêu thì đây cũng chẳng giải thích.

Từ câu “Nhất-xiển-đề, v.v...” trở xuống là đáp câu hỏi thứ ba.

Trước đã nói nếu chẳng dứt Phật tánh lẽ ra cũng chẳng dứt gốc thiện, vì gốc thiện tức là Phật tánh, Phật tánh tức là gốc thiện. Nay đáp Trung đạo Phật tánh chẳng đồng với gốc thiện. Vì sao? Vì Nhất-xiển là Tín, đề là chẳng có. Phật tánh chẳng phải tín cũng chẳng phải có thì làm sao có thể dứt. Phật tánh chẳng phải thiện, chẳng phải ác, Xiển-đề

chỉ có thể dứt điều thiện thì làm sao dứt được tánh? Trong đó các câu đều nói như thế.

Xưa nay đều cho rằng Xiển-đề nghĩa là có đủ các điều ác mà chưa biết dịch thế nào. Chỉ có Hà Tây dịch là Cực Dục. Nói về Cực dục chỉ là ở trong tổng ác, mới lấy một việc để dịch như danh từ Niết-bàn bao gồm các đức, không có từ chánh phiên mà phiên là diệt độ, cũng trong chỗ chung ấy lấy một việc này để phiên dịch, vả lại pháp thiện gọi là sinh rồi mới được. Các sư Số Luận cho rằng thiện có hai loại là sinh đặc thiện và phương tiện thiện. Việc từ hiếu ở thế gian là sinh đặc thiện mà hàng Xiển-đề cũng không có nên nói là đã dứt.

Từ câu “Như lời ông nói v.v...” trở xuống là đáp câu hỏi thứ tư.

Trước hỏi vì sao chẳng ngăn chặn tội đọa địa ngục, nay lặp lại lời hỏi để trả lời. Nói Phật tánh của Xiển-đề chẳng phải có chẳng phải không. Vì ngay nơi sự cầu mong chẳng được nên nói chẳng có, nhưng lại có lý này cho nên nói chẳng phải không. Vả lại có phương tiện khéo léo nên chẳng phải không, chẳng có phương tiện khéo léo nên nói chẳng phải có. Vì thế nêu cây đàn không hầu để dụ cho có và không. Trước nêu dụ, sau là hợp.

Vua là dụ cho chúng sinh, đàn không hầu dụ cho thân chúng sinh, âm thanh dụ cho Phật tánh, đại thần dụ cho Phật Bồ-tát khéo giảng nói pháp mầu, bứt dây đàn dụ cho thân mạng đã hết, chẻ cây xé da dụ cho năm căn bốn đại, tìm cầu chẳng được tức là không có phương tiện, nên chẳng phải có.

Hợp dụ, Phật tánh không có nơi chốn tức chẳng phải có, vì có phương tiện khéo léo nên thấy được tức chẳng phải không.

Từ câu “Như lời ông nói v.v...” trở xuống là đáp câu hỏi thứ năm và thứ sáu, nói lẽ ra có tánh nhất định.

Ý của lời đáp là nêu chẳng có tánh nhất định vì nhân duyên cho nên có. Nếu trong sữa chắc chắn có tánh lạc thì đã tự sinh, chẳng nhờ tìm nước cây, đã nhờ vào các duyên thì biết trong nhân không có quả. Nhưng trước đã lập sáu câu hỏi mà nay chỉ bị một lời quở trách. Vì sao?

Đáp: Cho và đoạt đều hợp thời nghi đều vì lợi ích, chính là nói các câu hỏi này thuộc về chấp tánh, nghĩa tánh này đồng với ngoại đạo. Nhờ vào chánh để quở trách tà. Chê là người ngu si thật ra chẳng phải quở trách Bồ-tát Đức Vương. Câu đáp là gồm đáp câu thứ năm. Khen ngợi điều thiện đã tự đầy đủ thì đâu cần nói mười hai thể loại kinh. Nay nói đã không có tánh, nhân duyên nhất định mà có cho nên phải nói mười hai thứ làm duyên.

Kế là dùng sám hối để nói về trực tâm. Nếu có tội mà chẳng sám hối thì chẳng phải trực tâm. Văn có ba đoạn: thứ nhất, từ câu “dù có tội v.v...” trở xuống là nói về sám hối.

Kế là từ câu “Với thầy v.v...” trở xuống là phát lộ.

Thứ ba, từ câu “Hổ thẹn tự trách v.v...” trở xuống là nói dứt trừ tâm nối nhau.

Kết luận như văn kinh ghi.

Từ câu “Thế nào v.v...” trở xuống là giải thích Giới. Văn có hai: một, là lia giới ác.

Tức chấp lấy tướng của trâu, chó v.v... để làm theo. Có ngoại đạo tu được thần thông, thấy trâu chó chết đi được sinh lên cõi trời, liền học theo cách sống của trâu chó, cầu mong được sinh lên cõi trời. Các giới khác cũng như thế.

Kế là nói được giới thiện. Như văn kinh có ghi.

Từ câu “Thế nào v.v...” trở xuống là đoạn thứ tư, giải thích bạn thiện. Văn có bốn: nói về đúng, nói về chẳng đúng, dẫn chứng về đúng, dẫn chứng về chẳng đúng. Đầu tiên nói về đúng. Văn có hai: một, là Bồ-tát là đúng, hai là nói Như Lai là đúng.

Sát-đa thấy Phật được sinh lên cõi trời, có hai cách giải thích:

1. Các sư Số luận cho rằng phải có định cõi trên mới được sinh lên cõi trời. Nay nhờ Phật lực, phát được định khi xưa đã tu cho nên được sinh lên cõi trời.

2. Cho rằng thấy Phật thì chế phục được các điều ác của cõi dưới, thuận theo tánh thiện mà được sinh lên cõi trời.

Từ câu “Tuy có...” trở xuống là thứ hai, nói về chẳng đúng.

Đã chưa biết rõ căn cơ thì chẳng xứng hợp với duyên cho nên nói chẳng đúng. Như Lai xứng hợp với duyên biết thuốc biết bệnh nên nói là đúng.

Từ câu “Khi xưa v.v...” trở xuống là ý thứ ba chứng dẫn về nghĩa chẳng đúng.

Quán xương trắng là thiền bội xả, quán số tức là thiền căn bản. Xưa nói thợ kim hoàn biết xem sắc của lửa nên dạy số tức. Ở đây chẳng cho là như thế, thợ kim hoàn khéo điều khiển búa vì giúp cho thói quen nên dạy số tức.

Nay nói thêm rằng theo luận Trang Nghiêm ghi: “Khéo thổi bể lò rèn, thì khéo biết hơi thổi”. Người giặt y phục khéo biết tương tịnh, nên dạy quán xương trắng. Chẳng đúng như thế, vì người giặt áo quần ghét sự nhơ uế nên dạy quán bội xả dễ hơn.



Từ câu “Ví như v.v...” trở xuống là thứ tư, dẫn chứng cho việc đúng. Như văn kinh có ghi.

Từ câu “Thế nào là đầy đủ học rộng, v.v....” trở xuống là giải thích chương năm, văn có năm đoạn.

Một việc trước là y cứ theo lời văn, bốn việc sau là y cứ theo nghĩa lý. Mười hai thể loại kinh thì văn nhiều nghĩa xa. Tỳ-Phật-lược văn ít mà nghĩa thiết yếu, vì nghĩa thiết yếu nên gọi là học rộng. Nói trừ mười hai thể loại, chỉ cho thọ trì kinh Niết-bàn này. Ở đây chẳng nói lý Niết-bàn ở ngoài mười hai bộ kinh, mà chính là nói văn của mười bộ loại kinh này quá rộng, bỏ rộng theo lược mà lý ấy vẫn giữ, đó là học rộng, đâu cần phải ở nơi lời.

Lại nói không theo toàn thể bộ kinh, chỉ giữ bốn câu kệ, lại không giữ bốn câu kệ, chỉ thọ trì một câu thường trụ, lại không thọ trì một câu thường trụ mà chỉ giữ lấy im lặng, nên biết giảm lại càng giảm, cho đến không còn làm gì. Thông suốt được lý này tức là học rộng, chẳng y cứ theo việc thọ trì nhiều văn ngôn mà gọi là học rộng.

Kế là từ câu “Nếu có v.v...” trở xuống là đoạn ba, khen ngợi. Văn có hai là pháp thuyết khen ngợi và dụ thuyết khen ngợi. Pháp thuyết có hai là nêu ba chương và giải thích.

Giải thích có hai:

1. Giải thích ba việc.
2. Chẳng chấp giữ.

Như văn kinh có ghi.

Dụ thuyết có ba: một, là dụ về khó bố thí. Cũng có hợp.

Kế đến dụ về khó nhẫn, khó làm. Cũng có hợp, dụ.

Thứ ba, là lập dụ về không chấp đắm có pháp, dụ và hợp.

Từ câu “bấy giờ, Quang Minh v.v...” trở xuống là phần thứ hai, nói về nghĩa. Gồm có hai phen hỏi đáp. Thứ nhất là hỏi đáp, có hai: một, là định hai ý; hai, là gạn hỏi hai ý.

Đầu tiên định hai ý là định tự không và định không không.

Nếu tự tánh là không là kết câu thứ nhất thành một lời hỏi. Nếu tự tánh chẳng không tức kết câu thứ hai thành một lời hỏi.

Từ câu “này người thiện nam” trở xuống là lời đáp, có hai: một, là đáp câu thứ nhất tánh tự không. Vì sao? Vì văn sau nói tất cả pháp không thật có thì há chẳng phải là không ư? Hai, tức cũng phải tu không mới được không. Vì bản tánh của nó theo lý vốn là không mà chẳng thể thấy được, phải tu không mới thấy được không.

Đã đáp hai câu ấn định thì hai câu thưa hỏi tự phá. Đáp câu ấn



định thứ nhất, gồm có ba: Một, là lược nêu.

Kế là từ câu “Vì sao v.v...” trở xuống là giải thích rộng.

Thứ ba là từ câu “Vì tương tự v.v...” trở xuống là nêu được mất để làm kết luận. Văn có ba phần: Một nêu phạm phu là mất, kế nói Bồ-tát là được.

Lại quở trách phạm phu là mất.

Từ câu “Tánh các pháp v.v...” trở xuống là đáp câu thứ hai về ấn định. Ý nói tuy vốn vắng lặng mà phải tu tập mới thấy. Vì có tánh vô thường, nên diệt sẽ diệt được nó; vì có tánh không nên tu không mới được không, nên biết là vốn không. Có pháp, dụ, hợp.

Dụ có hai, từ câu “Như tánh các pháp v.v...” trở xuống là nêu nội pháp để làm dụ.

Từ câu “Như tánh v.v...” trở xuống là nêu ngoại pháp để làm dụ.

Từ câu “Bồ-tát v.v...” trở xuống là hợp dụ.

Từ câu “Bồ-tát v.v...” trở xuống là phen thứ hai nói về nghĩa. Lại từ dụ về đến muối phát sinh. Hỏi có hai: một, là hỏi quán không điên đảo.

Vì sao? Vì xưa nay chẳng phải không, tu không mới thấy không, tức là nơi chẳng không mà thấy không, như thế chẳng phải là điên đảo hay sao? Thí như thật thường mà thấy vô thường, vô thường mà thấy thường, đó là điên đảo. Văn có dụ và hợp, lại chuyển thí dụ về muối để làm dụ.

Thứ hai hỏi không đã là vô thì thấy được gì?

Nếu thấy được thì chẳng phải không, nếu không thấy được thì chẳng nên nói là thấy.

Đức Phật đáp hai câu hỏi, gồm có hai chương. Đáp câu thứ nhất có ba: một là nêu chung, hai là giải thích rộng, ba là kết luận. Trong phần nêu chung có pháp, dụ và hợp.

Nói thấy pháp chẳng không trở thành không mà chẳng phải điên đảo, đây chỉ là nói theo lý. Vì các pháp đều là không mà chúng sinh cho là bất không, vì muốn dứt trừ tình chấp ấy nên nói “khiến cho pháp chẳng không trở thành không mà chẳng điên đảo”.

Từ câu “tham là v.v...” trở xuống là giải thích rộng. Văn có hai ý: một là giải thích chẳng phải không trở thành không; hai là giải thích chẳng phải điên đảo. Văn thứ nhất nói chẳng không vì do duyên mà có. Lại chia làm hai ý: 1/ Nói tham dục đối với chúng sinh là có; 2/ Nói sắc tánh đối với chúng sinh là có.

Nếu chẳng có, vì sao lại tham đắm? Nay cho rằng chẳng phải

không, khiến cho không thì các pháp này đều không.

Từ câu “Vì nghĩa này v.v...” trở xuống là thứ hai, giải thích rộng về chẳng phải điên đảo, có hai: đầu tiên là nêu chẳng phải điên đảo.

Từ câu “Tất cả phàm phu v.v...” trở xuống là giải thích rộng. Văn có hai: một, là không sinh tướng tham cho nên chẳng phải điên đảo.

Kế là, nói thấy Phật tánh nên chẳng điên đảo.

Hỏi: Khi nhập Sơ địa thì thấy được Không. Văn này lại nói trụ ở Cửu địa thấy pháp có tánh. Nghĩa này thế nào?

Đáp: Nếu giải thích theo hai nhãn thì Sơ địa đến Thập địa là Vô sinh nhãn, chỉ có Phật địa mới là Tịch diệt nhãn. Nay y cứ theo hai nhãn thì Cửu địa nếu so sánh với Phật địa tịch diệt thì còn thấy pháp có tánh, tuy thấy không nhưng so sánh với Phật thì chưa phải là rốt ráo không mà vẫn còn là phần hữu không, cho nên kinh Hoa Nghiêm ghi:

“Bồ-tát Thất địa có khả năng vào vắng lặng”.

Vắng lặng tức là không, vì ứng duyên nên nói khác nhau, chẳng nên mê chấp.

Từ câu “chư Phật, Bồ-tát v.v...” trở xuống là kết luận.

Có lúc Phật cũng nói có, có lúc nói không, đó là vì duyên. Như nay đều nói là không.

Từ câu “Này thiện nam! v.v...” trở xuống là thứ hai, đáp câu hỏi thứ hai; trước nêu lại câu hỏi.

Văn nói lấy không thấy làm không, ví như Bát-nhã không biết mà không gì chẳng biết.

Từ câu “Vì thế v.v...” trở xuống là dẫn rộng việc xưa để chứng minh, như văn kinh có ghi.

Sau cùng là nói công đức thứ mười, cũng gồm có hai là nêu lên và giải thích.

Xưa dùng ba mươi bảy phẩm làm thể, Hưng Hoàng cho rằng Niết-bàn Phật tánh là thể; xưa cho rằng Bồ-tát thực hành nhân mà đạo phẩm là nhân nên lấy văn trước làm thể. Hưng Hoàng cho rằng các công đức trước không lấy Niết-bàn làm thể công đức sau cùng, nghĩa lý sâu xa nên lấy văn sau làm thể.

Hỏi: Vì sao trong đây không lấy sáu độ làm thể mà dùng ba mươi bảy phẩm làm thể? Có người giải thích rằng trong Thích luận nói sáu luận là nhân xa, ba mươi bảy phẩm là nhân gần. Có người lại cho rằng đó chỉ là nói lược. Ở đây cho rằng chẳng phải thế, Đạo phẩm thì gồm các nhiếp độ, trừ các nhiếp đàn độ ra còn các pháp khác để thấy. Trong luận Bà-sa có nêu mười một pháp nhiếp hết đạo phẩm, mười một pháp

tương đương với danh thể của sáu độ, chỉ trừ hai niệm, còn tất cả đều chung với các độ.

Văn có hai: Đầu tiên là nói về công đức, kế là nói về nghĩa. Văn thứ nhất lại có hai: Trước nói về đạo phẩm nhập Niết-bàn.

Kế là phân biệt đúng sai.

Nếu nói tin là đúng, chẳng tin là sai. Công đức thứ nhất nói chẳng nghe mà nghe, thường trụ bí tạng tức Trung đạo; Chẳng nghe mà nghe luận Tỳ-già-la, kinh sách của ngoại đạo tức Tục đế; Chẳng nghe mà nghe mười một thể loại kinh tức Chân đế, ba Đế trong một tâm chẳng nghe mà nghe. Nay công đức thứ mười cũng giống như thế. Ba mươi phẩm tức Chân đế, nhập Đại Niết-bàn tức Trung đạo đế, vì chúng sinh phân biệt giảng nói tức là Tục đế. Đây cũng là Nhất tâm ba Đế, trước sau chẳng khác. Người tin thì được nhập vào Đại Niết-bàn. Ý muốn nói rằng giáo gần với lý. Hưng Hoàng cho rằng dùng công đức Niết-bàn cuối cùng làm thể, còn công đức thứ chín trở xuống thì đều chẳng phải như thế. Cách giải thích này quá sai lầm, như trước đã hỏi.

Kế là nói về nghĩa, gồm có hỏi và đáp.

Đáp có hai: Trước là nêu người ác để răn nhắc; sau nêu người thiện để khuyến khích. Thứ nhất lại có ba: trước là pháp thuyết.

Kế là nêu năm dụ.

Thứ ba là hợp năm dụ. Trước là hợp riêng; sau là hợp chung.

Đầu tiên là nói Chiên-đàn đổi lấy gỗ tạp. Như hai chiếc xe, một chiếc chở than, một chiếc chở gỗ Chiên-đàn; gặp mùa đông cần than, người bán Chiên-đàn bèn đốt gỗ để lấy than, tuy dễ tiêu thụ mà không có giá trị gì. Người giữ giới nghèo khổ đói khát thấy người phá giới giàu có no ấm bèn phá giới để được ăn ngon mặc đẹp, như thế lợi ích có được chẳng nhiều mà mất mát thì quá lớn.

Dụ thứ hai nói vàng đổi lấy thau. Xưa, có người cỡi ngựa lưng thắt dây vàng, thấy người cỡi lừa lưng thắt dây da lừa, bèn hỏi: “Ở chợ này vật gì bán đắt nhất?” người kia trả lời: “Đai da lừa đắt nhất”. Người kia liền đổi lấy đai da lừa. Người ta vì sắc thanh mà bỏ chánh pháp cũng giống như thế. Ba thí dụ kia như văn kinh có ghi.

Kế là hợp chung.

Từ câu “Lúc bấy giờ v.v...” trở xuống là phần hai, nêu người làm thiện.

Kế là từ câu “Bấy giờ v.v...” trở xuống là phần lãnh thọ ý nghĩa. Đoạn lãnh thọ ý nghĩa của phẩm này như văn kinh đã ghi.

Thứ ba là từ câu “Đó gọi là v.v...” trở xuống là tổng kết.